



ĐÔI NÉT VỀ ĐẶC ĐIỂM ĐỊNH DANH CỦA TỪ NGỮ CHỈ TÊN HOA TRONG TIẾNG ANH

NGUYỄN THỊ THÙY CHUNG *

Tóm tắt: Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt, trong đó các đơn vị từ vựng không ngừng được bổ sung vào ngôn ngữ của cộng đồng. Những đơn vị định danh là kết quả của việc tạo ra một từ mới và nhằm truyền tải ý nghĩa nhất định. Quá trình định danh là quá trình gắn cho ký hiệu ngôn ngữ một khái niệm - biểu niệm phản ánh các đặc trưng nhất định của một biểu vật. Bài viết nhằm hướng tới xác định đặc điểm định danh của từ ngữ chỉ tên hoa trong tiếng Anh, từ đó phát hiện ra những phương thức định danh đặc trưng của người Anh.

Từ khóa: Định danh, từ ngữ chỉ tên hoa, tiếng Anh.

Abstract: Language is a special social phenomenon, in which the lexical units are continuously added into the living language. The naming units are the resulting word formation to convey certain meanings. The nomination process is the one of giving the linguistic symbol a concept – reflecting certain characteristics of a symbol. This paper aims to identify some nomenclature features of flowers in English, thereby finding out the unique nomination methods of English people.

Keywords: Nomination, flowers, English.

1. Đặt vấn đề

Thực tế, các đơn vị định danh không ngừng được bổ sung vào trong vốn từ vựng của một ngôn ngữ. Điều này phản ánh đúng đắn và khách quan quá trình nhận thức của con người trong việc phát hiện và hiểu biết thực tại khách quan đồng thời cũng đáp ứng được nhu cầu đặt tên cho sự vật hiện tượng mới trong cộng đồng ngôn ngữ. Có thể hiểu định danh chính là đặt tên gọi (naming) cho sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Khi định danh, trước hết phải quan sát, tìm hiểu kỹ để phát hiện ra một bộ những đặc trưng nào đó vốn có của đối tượng như thuộc tính, phẩm chất để làm cơ sở cho tên gọi của nó. Sau đó, người ta chọn xem trong số các dấu hiệu ấy, dấu hiệu nào là tiêu biểu và có giá trị khu biệt nó với các đối tượng khác. Tuy nhiên, đặc trưng được chọn làm cơ sở cho việc định danh phụ thuộc vào đặc trưng văn hóa của mỗi dân tộc, ngoài ra loại hình ngôn ngữ cũng có sự tác động và ảnh hưởng

* ThS - Khoa Tiếng Anh, Đại học Thương mại; Email: thuychungltd@gmail.com

manh mẽ tới quá trình định danh. Có nhiều nghiên cứu khác nhau về định danh ngôn ngữ, trong nghiên cứu về đoán định nghĩa của các đơn vị định danh mới, Štekauer (2005) đã nhận định rằng các đơn vị định danh không xuất hiện trong sự cô lập với các yếu tố như kiến thức con người, khả năng nhận thức, kinh nghiệm, khám phá về những vấn đề mới, quy trình, và phẩm chất, trí tưởng tượng của con người,... Một vật được định danh không chỉ ở góc độ riêng mình nó mà còn được giải thích trong mối quan hệ với các vật sẵn có. Vì vậy, các mối quan hệ cấu trúc trong từ vựng bị chi phối bởi một mạng lưới các mối quan hệ khách quan mà cần phải được xem xét trong quá trình định danh.

Bài viết này sẽ áp dụng những tiêu chí hay đặc trưng định danh đã được xác định trong nghiên cứu *Cách định danh thực vật giữa các ngôn ngữ Nga, Anh và Kazakstan* của G.I. Ujukbaeva. Các tiêu chí đó bao gồm: 1- Hình thức (bao gồm hình thức các sự vật khác, hình thức động vật, bộ phận cơ thể động vật, bộ phận cơ thể người); 2- Màu sắc; 3- Kích cỡ; 4- Số lượng bộ phận; 5- Ứng dụng trong đời sống; 6- Ứng dụng trong y học; 7- Nơi sinh trưởng; 8- Mùi; 9- Vị; 10- Thuộc tính khác [6].

2. Phương pháp

Đối tượng khảo sát là 143 từ ngữ chỉ hoa trong tiếng Anh có thể giải thích rõ lý do một cách tương đối. Cách thức tiến hành khảo sát được chúng tôi sử dụng bao gồm:

- khảo sát thống kê các từ chỉ tên hoa trong tiếng Anh từ các nguồn ngữ liệu như từ điển giải thích tiếng Anh, từ điển và các trang mạng tiếng Anh có uy tín về hoa: *Từ điển tiếng Anh (Advanced Learner's Dictionary)*, Nxb. Đại học Oxford, 2015); *Dictionary of flowers and plants for gardening* (Alfred Pink, 2008):

+ [https://www.countryfile.com/wildlife/how-to-identify/a-beginners-guide-to-native-](https://www.countryfile.com/wildlife/how-to-identify/a-beginners-guide-to-native-british-wildflowers/)

[british-wildflowers/](https://www.countryfile.com/wildlife/how-to-identify/a-beginners-guide-to-native-british-wildflowers/);

+ https://www.macmillandictionary.com/dictionary/british/flower_1.

- thống kê số lượng các từ chỉ hoa có thể giải thích rõ lý do định danh một cách tương đối. Để xử lý tư liệu nghiên cứu, chúng tôi vận dụng phương pháp và thủ pháp miêu tả, thống kê và phân tích, tổng hợp, so sánh.

- xem xét đặc điểm được chọn làm cơ sở định danh dựa vào từ điển từ nguyên tiếng Anh.

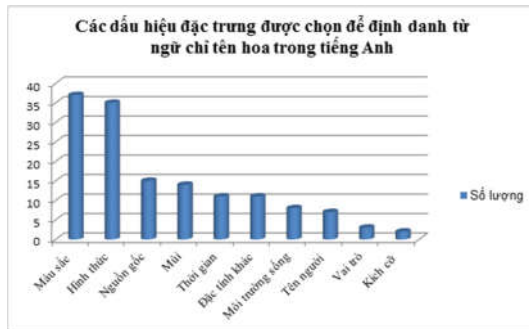
3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Theo thống kê, trong số 449 từ ngữ chỉ hoa trong tiếng Anh có 143 tên loài hoa có thể giải thích rõ lý do một cách tương đối (chiếm 31,8%). Trong đó, số lượng từ đơn có thể thấy rõ lý do là 15 đơn vị, những từ ngữ này được tạo ra dựa trên đặc trưng màu sắc như: *rose* (màu hồng, hoa hồng); được định danh theo hình thức của sự vật khác như: *broom* (hoa đậu chổi, hình thức giống cái chổi); đặt tên theo ứng dụng của nó trong y học hay mùi hương như: *balsam* (hoa bóng nước, dầu chiết xuất từ cây hoa dùng trị vết thương, bầm tím hoặc làm nước hoa), *lavender* (hoa oải hương); được tạo ra theo đặc tính sinh trưởng như: *convolvulus* (hoa bìm bịp); được định danh theo đặc trưng thời gian như: *biennials* (hoa hai năm, hai năm mới nở hoa một lần); hay được định danh theo tên của người giới thiệu về loài hoa hoặc phát hiện ra loài hoa như: *Zinna* (cúc Zinna, tên của tác giả viết giới thiệu về loài hoa này), *Wisteria* (hoa đậu tía, tên của nhà thực vật học), *Gardenia* (hoa dành dành, tên nhà tự nhiên học), *Aubreita* (đặt theo tên theo họa sĩ vẽ loài hoa này),...

Các từ ghép chỉ hoa được định danh rõ lý do bao gồm 128 từ ngữ (chiếm 89,5%). Đối với tiếng Anh, chúng tôi sử dụng từ điển từ nguyên trực tuyến (<https://www.etymonline.com>) và dựa vào những tiêu chí hay đặc trưng đã được xác định trong

ngiên cứu cách định danh thực vật giữa các ngôn ngữ Nga, Anh và Kazakstan của G.I. Ujukbaeva.

Dựa theo những tiêu chí đã nêu ở phần trước và qua nghiên cứu xem xét các từ ngữ chỉ hoa trong tiếng Anh, chúng tôi nhận thấy người Anh chọn những dấu hiệu đặc trưng sau đây để định danh các loài hoa:



Sơ đồ: Các dấu hiệu đặc trưng được chọn để định danh các từ ngữ chỉ tên hoa trong tiếng Anh

Kết quả khảo sát 143 từ ngữ chỉ tên hoa cụ thể như sau:

Đơn vị định danh dựa trên cơ sở màu sắc và hình thức có số lượng nhất, lần lượt là 37/143, chiếm 26% và 35/143, chiếm 24,5%; tiếp đó là định danh dựa trên nguồn gốc 15/143, chiếm 10,5%; mùi hương 14/143, chiếm 9,8%; thời gian 11/143, chiếm 7,7%; đặc tính khác (không thuần dưỡng, sinh trưởng, trạng thái) 11/143, chiếm 7,7%; môi trường sống 8/143, chiếm 5,6%; tên người (tên vị thánh, tên nhà thực vật học, tên họa sĩ,...) 7/143, chiếm 4,9%; vai trò 3/143, chiếm 2% và kích cỡ 2/143, chiếm 1,4%.

Số liệu thống kê trên cho thấy, cơ sở định danh tên các loài hoa trong tiếng Anh khá đa dạng, gồm 10 căn cứ định danh khác nhau (chưa bao gồm các căn cứ phụ). Trong đó, màu sắc và hình thức chiếm tỉ lệ cao hơn. Ngoài ra, định danh dựa trên nguồn gốc, mùi hương, các đặc tính khác và thời gian trong tương quan cũng chiếm một tỷ lệ tương đối. Những đơn vị định danh dựa trên môi trường sống, tên người, vai trò và kích cỡ chiếm tỉ lệ

nhỏ nhất, dưới 6%. Lý do giải thích cho cơ sở định danh đa dạng như vậy là sự phong phú, đa dạng của loài hoa. Những nhân tố như màu sắc và hình thức có tác động lớn hơn đến quá trình định danh so với các yếu tố khác bởi hoa được tri nhận đầu tiên và phổ biến nhất là bằng thị giác, sau đó đến khứu giác.

Định danh phản ánh đặc điểm tri nhận. Các dân tộc trên thế giới có nhận thức và tư duy liên tưởng giống nhau và không giống nhau với cùng một sự vật, hiện tượng. Theo Nguyễn Đức Tôn: “Để định danh thế giới động thực vật nói chung, đặc trưng thường được các dân tộc chú ý tri nhận và lựa chọn nhiều nhất để làm cơ sở cho tên gọi là hình thức/hình dạng và màu sắc” [5]. Như vậy, kết quả khảo sát và phân tích của bài viết hoàn toàn trùng khớp với quan điểm của Nguyễn Đức Tôn.

Hoàng Văn Hành (1988) cho rằng để có thể xác định rõ cơ chế định danh của các đơn vị định danh phái sinh, cần phải làm rõ hai vấn đề cốt lõi: 1- Có những yếu tố nào tham gia vào cơ chế này và tư cách của mỗi yếu tố ra sao? 2- Mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố đó như thế nào mà khiến ta có thể coi đó là một cơ chế? [1]. Vì vậy, các cơ sở định danh trong bài viết sẽ là kết quả của quá trình phân tích ý nghĩa và quan hệ giữa các yếu tố tạo thành từ ngữ chỉ tên hoa trong tiếng Anh.

Như vậy, trong tiếng Anh, đơn vị định danh biểu thị hình thức là những đơn vị được định danh trên cơ sở đặc điểm hình thức. Những đơn vị định danh loại này thể hiện thuộc tính hình thức bên ngoài của người, sự vật, động vật, bộ phận cơ thể con người và bộ phận cơ thể động vật có liên quan. Trong các đơn vị định danh tên loài hoa, cái gọi là hình thức chủ yếu là hình dạng của hoa, hình dạng của hoa không giống nhau, do đó có các ý nghĩa khu biệt giữa các cá thể, giúp cho dễ nhận dạng các loài hoa. Ví dụ, hoa có hình dạng của sự vật khác: *bluebell*: *hoa chuông*

xanh (hoa hình cái chuông), hoa có hình dạng bộ phận cơ thể động vật: *butterfly orchid: hoa lan bướm* (hoa có hình cánh bướm), *snapdragon: hoa mồm chó* (hoa có hình dạng mồm con chó), hoa có hình thức của thực vật khác: *moss rose: hoa hồng rêu* (hoa mọc hình dạng giống đám rêu) và hoa có hình dạng bộ phận cơ thể người: *bleeding heart: hoa trái tim* (hoa có hình trái tim người).

Ngoài ra, số lượng đơn vị định danh tên loài hoa trong tiếng Anh dựa trên cơ sở màu sắc chiếm số lượng khá lớn. Đơn vị định danh biểu thị màu sắc là những đơn vị được định danh dựa trên cơ sở màu sắc của hoa. Ví dụ, *rose: hoa hồng* (hoa có màu hồng), *white rose: hoa hồng trắng* (hoa hồng có màu trắng), *yellow carnation: hoa cẩm chướng vàng* (hoa cẩm chướng có màu vàng),... trong đó, màu sắc có vai trò hạn định và thuyết minh cho đơn vị định danh bậc 1 là tên loại hoa.

Đơn vị định danh biểu thị nguồn gốc là những đơn vị định danh đề cập đến loài hoa được bắt nguồn, xuất xứ hay được trồng ở địa danh nào, vùng nào. Ví dụ, *Indian jasmine: hoa nhài Ấn Độ* (hoa có nguồn gốc từ Ấn Độ), *California peony: hoa mẫu đơn Cali* (được trồng ở phía tây nam California),...

Đơn vị định danh biểu thị môi trường sống đề cập đến những đơn vị có thể truyền đạt thông tin loài hoa đó được trồng ở môi trường nào. Ví dụ, *water lily: hoa súng* (hoa được trồng dưới nước), *marsh marigold: cúc vạn thọ đầm lầy* (hoa cúc được trồng dưới vùng đất ướt đầm lầy),...

Đơn vị định danh biểu thị thời gian là những đơn vị cho thấy thời điểm hoa nở. Ví dụ: *evening primrose hoa anh thảo muện* (hoa nở vào ban đêm), *noon flower hoa tý ngọ* (hoa nở vào buổi trưa),...

Trong tiếng Anh có xuất hiện đơn vị định danh dựa trên cơ sở tên người giới thiệu loài

hoa, tên vị thần, tên người anh hùng hay tên nhà thực vật học..., ví dụ như *Michealmas daisy: hoa cúc tây* (hoa nở vào ngày lễ của thần Micheal, lấy tên vị thần để đặt tên), *sweet William: cẩm chướng râu* (hoa là tên người anh hùng chinh phục đã đến để vinh danh công tước chiến thắng của Cumberland), *Zinna: cúc zinna* (hoa là tên của tác giả viết giới thiệu về loài hoa đó), *gardenia: hoa dành dành* (hoa là tên nhà tự nhiên học), *Aubreita* (hoa được gọi theo tên của họa sĩ vẽ loài hoa đó),...

Tương tự như vậy, đơn vị định danh các từ ngữ chỉ tên hoa trong tiếng Anh và tiếng Việt còn có định danh trên cơ sở kích cỡ của sự vật (hoa), như: *giant water lily: hoa súng khổng lồ* (hoa có kích cỡ to), *moonflower: hoa mặt trăng* (hình dạng hoa to); định danh dựa trên mùi hương của hoa như *scented geranium: hoa phong lữ* (hoa có hương thơm), *honeysuckle: hoa kim ngân* (có mùi rất thơm và mật ngọt như mật ong); định danh dựa trên các đặc tính của hoa như đặc tính không được thuần dưỡng: *wild rose: hoa hồng dại* và đặc tính sinh trưởng: *striped carnation: cẩm chướng có kẻ sọc* (hoa có những kẻ sọc trên cánh),...

Ngoài ra, xét về mặt quan hệ giữa các yếu tố trong các đơn vị định danh là các danh từ ghép và cụm từ, có thể thấy sự kết hợp giữa các yếu tố chủ yếu có dạng: *tính từ + danh từ* (*adjective + noun*) hoặc *danh từ + danh từ* (*noun + noun*), yếu tố đứng trước là yếu tố phụ (M: Modifier) và yếu tố đứng sau là yếu tố chính (H: Head). Quan hệ chủ yếu giữa các yếu tố có dạng thức như sau:

+ H có tính chất của M: *red carnation: cẩm chướng đỏ* (hoa có màu đỏ), *honeysuckle hoa kim ngân* (hoa có hương thơm và mật ngọt như mật ong), *wild rose: hoa hồng dại* (hoa có tính chất không được thuần dưỡng), *striped carnation: hoa cẩm chướng kẻ sọc* (hoa có những kẻ sọc trên cánh),...

+ H có hình dạng của M: *moon daisy*: hoa cúc mặt trăng (hoa có hình dạng mặt trăng), *laddy's slipper orchid*: lan hài (hoa có hình dạng giống chiếc hài của phụ nữ), *snapdragon*: hoa mồm chó (hoa có hình dạng mồm chó), *bleeding heart* hoa trái tim (hoa có hình dạng trái tim người), *moss rose*: hoa hồng rêu (hoa mọc/phát triển lan rộng như hình đám rêu),...

+ H có nguồn gốc từ P: *Indian jasmine*: nhài Ấn Độ (hoa có nguồn gốc từ Ấn Độ), *California peony*: hoa mẫu đơn Cali (hoa có nguồn gốc từ California, Mỹ),...

+ H được sinh trưởng ở P: *water lily*: hoa súng (hoa sống dưới mặt nước), *marsh marigold*: cúc vạn thọ đầm lầy (hoa cúc sinh trưởng ở vùng ẩm ướt đầm lầy), *sea lavender*: hoa oải hương biển (hoa sống ở vùng tiếp giáp bờ biển),...

+ H nở hoặc sử dụng vào thời điểm P: *evening primrose*: hoa anh thảo muộn (hoa nở ban tối), *Christmas rose*: hoa hồng Giáng sinh (hoa sử dụng vào dịp giáng sinh), *noon flower*: hoa tý ngọc (hoa nở ban trưa), *winter cherry*: hoa anh đào đông (hoa nở vào mùa đông),...

4. Kết luận

Bài viết này hướng tới khảo sát đặc điểm định danh các loài hoa có thể giải thích lý do một cách tương đối trong trường từ vựng ngữ nghĩa chỉ hoa trong tiếng Anh. Áp dụng lý thuyết và kết quả nghiên cứu về định danh của các nghiên cứu trước, bài viết đã xác định được các dấu hiệu đặc trưng người Anh đã chọn để định danh (gọi tên) các loài hoa. Có thể thấy có sở định danh của các từ ngữ chỉ tên hoa trong tiếng Anh khá đa dạng. Với 10 cơ sở

định danh khác nhau, tạo nên 10 tiểu loại đơn vị định danh khu biệt về nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Văn Hành, *Về cơ chế cấu tạo các đơn vị định danh bậc 2 trong các ngôn ngữ đơn lập*, In trong *Những vấn đề ngôn ngữ các dân tộc ở Việt nam và khu vực Đông Nam Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988.
- [2] Nguyễn Thúy Khanh, *Đặc điểm trường từ vựng ngữ nghĩa tên gọi động vật (trên tư liệu đối chiếu tiếng Việt với tiếng Nga)*, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học Ngữ văn, Viện Ngôn ngữ học, 1996.
- [3] Nguyễn Thúy Khanh, *Đặc điểm định danh của trường tên gọi động vật tiếng Nga trong sự đối chiếu với tiếng Việt*, *Văn hóa dân gian*, số 2, 1994.
- [4] Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2010.
- [5] Nguyễn Đức Tồn, *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Tái bản có chỉnh lý và bổ sung, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2010.
- [6] G.I. Ujukbaeva, *Các tên gọi dân gian của thực vật (trên tư liệu đối chiếu tiếng Nga, Anh và Kazakstan)*, Tóm tắt Luận án Phó Tiến sĩ, 1983.
- [7] Kirkby Mandy, *A Victorian Flower Dictionary: The Language of Flowers Companion*, Ballantine Books - New York, 2011.
- [8] Pink Alfred, *Dictionary of flowers and plants for gardening*, This Vintage Treasure Complimentary Ebook Provided by Teresa Thomas Bohannon, 2008.
- [9] *Oxford Advanced Learner's Dictionary*, New 9th Edition, Oxford University Press, 2015.
- [10] Štekauer Pavol, *Meaning predictability in word formation: novel, context-free naming units*, Amsterdam/Philadelphia: John Benjamins, 2005.
- [11] Колшанский Г.В., *Языковая номинация, Общие вопросы*, М., Наука, 1977.
- [12] Реформатский А.А., *Введение в языкознание*. М., Учпедгиз, 1960.
- [13] Гак Б.Г., *Семантическая структура слова как компонент семантической структуры высказывания// Семантическая структура слова. Психолингвистические исследования*. М., Наука, 1971.